

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS - ST  
Ngày 22 - 12 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lò Văn Chung.
2. Ông Tòng Văn Toán.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Hà Thị Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:**

Ông Dương Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Lậu A Q** - Sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản L, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lậu Dê P1 và Vàng Thị D; Có vợ là Vàng Thị C và có 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Lậu A P** - Sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản L, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Lậu Dê P1 và Vàng Thị D; Có vợ là Sòng Thị G và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự:**

1. Cộng đồng bản C, xã M, huyện S có đại diện là ông Lò Văn C1- Trưởng bản. Vắng mặt.

2. Cộng đồng bản X, xã K, huyện S có đại diện là ông Ly Và R - Trưởng bản. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Vàng Thị C, sinh năm 1994. Trú tại: Bản L, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. UBND xã M, huyện S, có đại diện là ông Quàng Đình K2 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Vắng mặt.

3. UBND xã K, huyện S, có đại diện là ông Nguyễn Văn P2 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì cần gỗ để làm nhà nên từ ngày 04/3/2020 đến ngày 09/3/2020 Lậu A Q đã nhờ Lậu A P (là em trai ruột) cùng đi lên khu rừng thuộc rừng phòng hộ đã giao cho cộng đồng bản X, K, S và rừng phòng hộ đã giao cho cộng đồng bản C, M, S quản lý, bảo vệ để khai thác lâm sản cụ thể các lần như sau:

1. Khoảng 07 giờ ngày 04/3/2020 Lậu A Q nhờ Lậu A P cùng đi lên khu B thuộc bản X, K, S để tìm cây gỗ để khai thác. Khi đi, Q mang theo một cưa máy cầm tay, một can xăng, một can nhót, một con dao, một thước cầm tay, một đoạn dây dù, mực và thực phẩm rồi cùng nhau đi theo đường mòn trong rừng.

Khi vào rừng khoảng 900m, Q và P thấy hai cây gỗ có đường kính gốc khoảng 0,50m; cao khoảng hơn 20m ở tầ luy dương, Q dùng cưa máy để cắt hạ hai cây gỗ. Sau khi cắt hạ cây, P dùng thước và dây dù bật mực để chia nhỏ tỷ lệ 02 cây gỗ, còn Q dùng máy cưa xẻ thành từng hộp. Sau một ngày, Q và P xẻ cây thứ nhất có đường kính gốc là 0,54 mét được 04 hộp gỗ có kích thước trung bình là 3,5x 0,18x 0,18mét; xẻ cây gỗ thứ hai có đường kính gốc là 0,44 mét được 04 hộp có kích thước trung bình là 3,5x 0,18x 0,18 mét. Sau khi cắt xẻ xong Q và P để số gỗ đã xẻ tại chỗ cho khô và đi về nhà.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định vị trí khai thác cây gỗ thứ nhất có tọa độ E00473950 - N02319507 với khối lượng lâm sản quy tròn là 2,593 m<sup>3</sup>; vị trí cây gỗ thứ hai có tọa độ E0047974 - N02319450 với khối lượng lâm sản quy tròn là 2,685 m<sup>3</sup> đều thuộc lô 9, khoảnh 4, tiểu khu 679. Thu thập 02 mẫu để giám định theo quy định ký hiệu là HT1A, HT1B.

2. Khoảng 06 giờ ngày 08/3/2020 Lậu A Q mang theo một cưa máy cầm tay, một can xăng, một can nhót, một con dao, một thước cầm tay, một đoạn dây dù, mực và thực phẩm và cùng Lậu A P đi lên khu B thuộc bản X, K, S tiếp tục tìm cây gỗ để khai thác.

Khi đi đường mòn đến gần 02 cây gỗ đã khai thác ngày 04/3/2020, Q và P thấy thấy hai cây gỗ có đường kính gốc khoảng 0,50m; cao khoảng hơn 20m, Q dùng máy cưa để cắt hạ 02 cây gỗ. Sau khi hạ cây, P dùng thước và dây dù bật mực chia nhỏ tỷ lệ 02 cây gỗ còn Q dùng cưa máy để xẻ thành từng hộp. Sau một ngày, Q và P xẻ cây gỗ thứ nhất có đường kính gốc 0,56 mét được 08 hộp có kích thước trung bình là 5x 0,16x 0,7 mét và xẻ cây gỗ thứ hai có đường kính gốc 0,58 mét được 07 hộp có kích thước trung bình là 2,7m x 0,30m x 0,18m.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định vị trí 02 cây gỗ bị Q và P khai thác có tọa độ lần lượt là E00473958 - N02319476 với khối lượng lâm sản quy tròn là 2,987 m<sup>3</sup> và tọa độ E00473945 - N02319490 với khối lượng lâm sản quy tròn là 2,535 m<sup>3</sup> đều thuộc lô 9, khoảnh 4, tiểu khu 679; Thu thập 02 mẫu để giám định theo quy định ký hiệu là HT2A và HT2B.

**3.** Khoảng 07 giờ ngày 09/3/2020 Lậu A Q tiếp tục mang theo một cưa máy cầm tay, một can xăng, một can nhớt, một con dao, một thước cầm tay, một đoạn dây dù, mực và thực phẩm và cùng Lậu A P đi theo đường mòn đến rừng thuộc địa phận bản C, M, S để tìm cây để khai thác.

Khi đi vào rừng được khoảng 100m, Q thấy một cây gỗ có đường kính gốc khoảng 0,53mét, cao khoảng hơn 20m, Q đã dùng máy cưa để cắt hạ cây gỗ. Sau khi cắt hạ cây, P dùng thước và dây dù bật mực chia nhỏ tỷ lệ cây gỗ để Q dùng cưa máy xẻ thành từng hộp. Sau một buổi, Q và P xẻ cây ra được 04 hộp có kích thước trung bình là 2,7x 0,30x 0,16 mét. Sau khi cắt xẻ xong, Q và P để số gỗ đã xẻ tại chỗ cho khô, rồi cùng P mang các đồ vật về nhà.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định vị trí 01 cây gỗ bị Q và P khai thác có tọa độ E00474013 - N02319436 thuộc lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698; Cây gỗ có khối lượng quy tròn là 2,685m<sup>3</sup>. Thu thập mẫu giám định theo quy định ký hiệu là HT1.

Đến ngày 25/3/2020, Lậu A Q nhờ Lậu A P, Lậu A L1, Lậu A C2, Lậu A S1, Vàng A T1, Vàng Lậu T3, Lậu Thị M2, Giàng Thị D5, Vàng A C5, Vàng A L5, Vàng Thị C5 đều là anh chị em ruột, anh chị em dâu, chú vợ của Q cùng trú tại bản L, K, S cùng nhau sử dụng dây thừng, các đoạn sắt phi dạng hình móc hình chữ U vận chuyển được 3,584m<sup>3</sup> gỗ trong tổng số gỗ các bị cáo Q và P đã khai thác và xẻ thành hộp từ ngày 04/3 đến 09/3/2020 về tập kết tại khu vực ven suối B, thuộc bản X, K, S để khi nào Q làm nhà thì sử dụng. Sau đó thì bị tổ công tác làm nhiệm vụ phát hiện và thu giữ của Q 01 chiếc máy cưa cầm tay nhãn hiệu Huspuarna; 02 chiếc can nhựa màu vàng; 01 con dao nhọn; 01 thước đo cầm tay loại 5m; 01 đoạn dây dù màu xanh; 03 đoạn sắt phi 12 dạng móc hình chữ U.

Tại kết luận giám định ngày 10/8/2020 (theo quyết định số 200/QĐ-TCGD ngày 29/7/2020 của CQCSĐT – Công an huyện S) và Công văn số 521 ngày 17/9/2020 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La xác định các vị trí có tọa độ:

E00473950 - N02319507; E0047974 - N02319450; E00473958 - N02319476; E00473945 - N02319490 đều thuộc Lô 9, Khoảnh 4, Tiểu khu 679 là Rừng phòng hộ, loại rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng dân cư bản X - xã K – S quản lý, bảo vệ (chủ rừng). Vị trí có tọa độ: E00474013 - N02319436 thuộc Lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 698 là Rừng phòng hộ, loại rừng tự nhiên được giao cho cộng đồng dân cư bản C – xã M – S quản lý, bảo vệ (chủ rừng).

Tại Bản kết luận giám định số: 199/CNR-VP ngày 06 tháng 5 năm 2020 Viện nghiên cứu công nghiệp rừng - Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, kết luận: : “Mẫu gửi giám định ký hiệu **HT1A** có tên Việt Nam là Vối thuốc bạc, tên khoa học là *Schima argentea* Pritz.ex Diels, nhóm gỗ VI; Mẫu gửi giám định ký hiệu **HT1B** tên Việt Nam là Trín, tên khoa học là *Schima wallichii* Choisy, nhóm gỗ VI; Mẫu gửi giám định ký hiệu **HT2A** tên Việt Nam là Săng trắng, tên khoa học là *Lophopetalum* SP, nhóm gỗ VI; Mẫu gửi giám định ký hiệu **HT2B** tên Việt Nam là Chò xốt, tên khoa học là *Schima crenata* Korth, nhóm gỗ V; Mẫu gửi giám định ký hiệu **HT1** có tên Việt Nam là Ràng ràng quả dày, tên khoa học là *Ormosia inflata* Merr. & Chun, nhóm gỗ VI”. 05 (Năm) loài cây gỗ giám định nêu trên không có tên trong “*Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ và “*Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KL ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S, kết luận:

"01 (một) cây gỗ Ràng ràng quả dày có khối lượng lâm sản là 2,685 m<sup>3</sup>, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT1), giá trị 6.981.000 đồng.

- 01 (một) cây gỗ Vối thuốc bạc có khối lượng lâm sản là 2,593 m<sup>3</sup> thuộc nhóm VI (ký hiệu HT1A), giá trị 6.671.800 đồng.

- 01 (một) cây gỗ Trín có khối lượng lâm sản là 1,673 m<sup>3</sup> thuộc nhóm VI (ký hiệu HT1B), giá trị 4.349.800 đồng.

- 01 (một) cây gỗ Săng trắng có khối lượng lâm sản là 2,987 m<sup>3</sup>, thuộc nhóm VI (ký hiệu HT2A), giá trị 14.935.000 đồng.

- 01 (một) cây gỗ Chò Xốt có khối lượng lâm sản là 2,535 m<sup>3</sup> thuộc nhóm V (ký hiệu HT2B), giá trị 6.464.250 đồng.

Tổng giá trị số lâm sản bị thiệt hại là 39.471.850 đồng (Ba mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng".

Như vậy, các bị cáo Lậu A Q và Lậu A P đã có hành vi khai thác trái phép 05 cây gỗ trong rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên, các cây gỗ bị khai thác thuộc loài gỗ thường, với tổng khối lượng lâm sản là 12,473 m<sup>3</sup>, có tổng trị giá là 39.471.850 đồng.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 147/CT-VKSSM ngày 23 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố Lậu A Q, Lậu A P về tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, và đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lậu A Q từ 16 - 22 tháng cải tạo không giam giữ, xử phạt bị cáo Lậu A P từ 14 - 20 tháng cải tạo không giam giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Luật Lâm nghiệp, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 48/2007/NĐ – CP ngày 28/3/2007, Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Lậu A Q, Lậu A P phải liên đới bồi thường thiệt hại giá trị số gỗ đã khai thác theo kết quả định giá để sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với khối lượng gỗ bị khai thác trái phép chưa xác định được đối tượng thực hiện việc khai thác là 22,052m<sup>3</sup> và 12,473 m<sup>3</sup> gỗ là vật chứng vụ án tiếp tục giao lại cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã M cùng ban quản lý bản C - M và UBND xã K cùng ban quản lý bản X – K phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu Husqvarna 365. Tịch thu tiêu hủy: 02 chiếc can nhựa màu vàng; 01 con dao nhọn dài 31cm, phần lưỡi dao dài 19cm; 01 thước đo cầm tay loại 5m; 01 đoạn dây dù màu xanh, được chập đôi thành 02 sợi dài 1,1m; 03 đoạn sắt phi 12 dạng móc hình chữ U, hai đầu nhọn.

- Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự.

Đại diện cộng đồng bản C, xã M vắng mặt tại phiên tòa có văn bản trình bày: Số gỗ các bị cáo khai thác thuộc rừng phòng hộ đã được giao cho cộng đồng bản C – M quản lý từ năm 2017 đến nay. Việc các bị cáo khai thác không được sự cho phép và nhất trí của cơ quan có thẩm quyền. Nay đại diện cộng đồng bản C – M không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại là trị giá số gỗ bị khai thác trái phép.

Đại diện cộng đồng bản X, K vắng mặt tại phiên tòa có văn bản trình bày: Số gỗ các bị cáo khai thác thuộc rừng phòng hộ đã được giao cho cộng đồng bản X – K quản lý. Việc các bị cáo khai thác không được sự cho phép và nhất trí của cơ quan có thẩm quyền. Nay đại diện cộng đồng bản X – K không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại là trị giá số gỗ bị khai thác trái phép.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Vàng Thị Cu trình bày tại phiên tòa: Chị nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo, đối với số vật chứng thu giữ trong vụ án đều là tài sản chung của vợ chồng chị nhưng sử dụng vào việc khai thác gỗ trái phép, chị nhất trí tịch thu các tài sản trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đại diện UBND xã M – S và Đại diện UBND xã K – S vắng mặt tại phiên tòa đều có văn bản thể hiện ý kiến nhất trí với các nội dung của vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra không có ý kiến và đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận gì, khi được nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

**[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng:** Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về các chứng cứ xác định tội danh:** Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau

Sổ địa chính đất lâm nghiệp do Sở địa chính tỉnh Sơn La cấp ngày 04/3/2002 cho UBND xã M – S; Sổ địa chính đất lâm nghiệp do Sở địa chính tỉnh Sơn La cấp ngày 15/5/2002 cho UBND xã K – S; Kết luận giám định rừng ngày 10/8/2020 và Công văn 521 ngày 17/9/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La: xác định được khu vực các bị cáo thực hiện việc khai thác gỗ trái phép là rừng phòng hộ, trạng thái rừng là rừng tự nhiên.

Kết luận giám định số 199/CNR-VP ngày 06 tháng 5 năm 2020 Viện nghiên cứu công nghiệp rừng - Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam kết luận: Các loại gỗ thuộc mẫu gửi giám định có ký hiệu HT1A, HT1B, HT2A, HT2B, HT1 không có tên trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ;

Kết luận định giá tài sản số 27/KL ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện S, kết luận: “01 cây gỗ Ràng ràng quả dày (Ký hiệu giám định HT1) có khối lượng lâm sản là 2,685 m<sup>3</sup> ... giá trị 6.981.000 đồng. 01 cây gỗ Vối thuốc bạc dày (Ký hiệu giám định HT1A) có khối lượng lâm sản là 2,593 m<sup>3</sup> ... giá trị 6.671.800 đồng. 01 cây gỗ Trín (Ký hiệu giám định HT1B) có khối lượng lâm sản là 1,673 m<sup>3</sup> ... giá trị 4.349.800 đồng. 01 cây gỗ Săng trắng (Ký hiệu giám định HT2A) có khối lượng lâm sản là 2,987 m<sup>3</sup> ... giá trị 14.935.000 đồng. 01 cây gỗ Chò Xót (Ký hiệu giám định HT2B) có khối lượng lâm sản là 2,535 m<sup>3</sup> ... giá trị 6.464.250 đồng”.

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên xác định được khối lượng gỗ các bị cáo khai thác là 12,473 m<sup>3</sup> có giá trị 39.471.850đ, khai thác trong rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên, được giao cho cộng đồng bản C – M và cộng đồng bản X – K quản lý bảo vệ.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai báo tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố các bị cáo về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 04/3/2020 đến ngày 09/3/2020 vì cần gỗ để làm nhà các bị cáo Lậu A Q, Lậu A P đã cùng nhau khai thác trái phép 12,473 m<sup>3</sup> gỗ, có giá trị 39.471.850đ tại rừng phòng hộ, loại rừng tự nhiên, được giao cho cộng đồng bản X – K – S và cộng đồng bản C – M – S quản lý, bảo vệ. Các cây gỗ bị khai thác là các loài gỗ không có tên trong “Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ – CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ và “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ – CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ

Hành vi của bị cáo Lậu A Q, Lậu A P thực hiện đã phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Có mức hình phạt là phạt tiền từ 50.000.000đ đến 300.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

### **[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:**

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng, đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

#### **[4] Về mức độ nghiêm trọng và tính chất của hành vi phạm tội:**

Các bị cáo đã được tuyên truyền và ký cam kết hàng năm về chăm sóc, bảo vệ rừng, nhận thức được việc khai thác rừng phòng hộ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ, làm ảnh hưởng đến môi trường và hệ sinh thái tại địa phương, là nguyên nhân gián tiếp gây ra lũ lụt, xói mòn đất và bị pháp luật hình sự nghiêm cấm.

Đây là vụ án có đồng phạm, trong đó: bị cáo Q là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và là người khởi sự, rủ rê bị cáo P cùng thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép nên giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo P sau khi tiếp nhận ý chí từ bị cáo Q đã cùng bị cáo Q lên rừng tìm cây để chặt hạ, sau khi chặt hạ xong là người nạy mực để chia gỗ cho bị cáo Q xẻ thành hộp, nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Như vậy, bị cáo Q phải chịu mức án cao hơn mức án của bị cáo P.

Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng bảo đảm biện pháp răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

#### **[5] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập:**

Gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có tài sản gì có giá trị, các bị cáo sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt, thu nhập theo mùa vụ không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

#### **[6] Về trách nhiệm dân sự:**

Tuy cộng đồng bản C – M và cộng đồng bản X – K là chủ rừng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nhưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 - Luật Lâm nghiệp quy định “*Nhà nước đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân*”, Điều 30 – Luật bảo vệ và phát triển rừng: *quy định về quyền, nghĩa vụ của cộng đồng dân cư thôn được giao rừng*. Khoản 4 Điều 8 – Nghị định 48/2007/NĐ – CP ngày 28/3/2007 quy định: “*Tiền bồi thường thiệt hại đối với người có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại về rừng là số tiền mà người có hành vi vi phạm gây thiệt hại về rừng phải bồi thường cho Nhà nước, bao gồm giá trị về lâm sản và giá trị về môi trường của rừng bị thiệt hại*”. Do vậy các bị cáo vẫn phải bồi thường để sung ngân sách Nhà nước giá trị thiệt hại



theo kết quả định giá đối với số gỗ đã khai thác trái phép, nguyên tắc bồi thường được xác định theo quy định của Bộ luật Dân sự.

**[7] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:**

Đối với Lậu A L1, Lậu A C2, Lậu A S1, Vàng A T1, Vàng Lậu T3, Lậu Thị M2, Giàng Thị D5, Vàng A C5, Vàng A L5, Vàng Thị C5 đã có hành vi giúp Q vận chuyển 3,584m<sup>3</sup> gỗ xẻ nhóm V-VI đã khai thác trong rừng phòng hộ. Do khối lượng lâm sản không đủ để truy cứu TNHS nên Cơ quan CSĐT Công an huyện đã chuyển tài liệu và đề nghị Hạt kiểm lâm huyện S xử lý hành chính đối với các đối tượng theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 22,052 m<sup>3</sup> chưa xác định được đối tượng khai thác đang để tại hiện trường trong rừng phòng hộ do bản X – K, Tòa án kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục xác minh làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

**[8] Về vật chứng vụ án:**

Đối với 01 chiếc máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarua 365 là tài sản dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Đối với: 02 chiếc can nhựa màu vàng; 01 con dao nhọn dài 31cm, phần lưỡi dao dài 19cm; 01 thước đo cầm tay loại 5m; 01 đoạn dây dù màu xanh, được chập đôi thành 02 sợi dài 1,1m; 03 đoạn sắt phi 12 dạng móc hình chữ U là tài sản sử dụng vào việc phạm tội và không còn có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 3,584m<sup>3</sup> gỗ đang để tại ven suối B thuộc bản X – K và 8,889m<sup>3</sup> gỗ đang để tại hiện trường trong rừng phòng hộ thuộc bản X – K và bản C – M là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước bị khai thác trái phép vì không có phương án khả thi và kinh phí để vận chuyển số gỗ trên ra khỏi hiện trường nên cần tiếp tục giao lại cho UBND xã M, S cùng Cộng đồng dân cư bản C - M (chủ rừng), UBND xã K cùng Cộng đồng dân cư bản X – K (chủ rừng) phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

**[9] Về án phí:** Các bị cáo đều thuộc gia đình là hộ nghèo và đều có đơn xin được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; Các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Lậu A Q, Lậu A P phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Xử phạt bị cáo Lậu A Q 16 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lậu A P 14 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày UBND xã K, huyện S, tỉnh Sơn La nhận được bản án và quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Lậu A Q, Lậu A P cho UBND xã K, huyện S, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lậu A Q, Lậu A P.

*Trong trường hợp người chấp hành án cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 100 Luật thi hành án Hình sự.*

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 7 Luật Lâm nghiệp, Điều 30 Luật bảo vệ và phát triển rừng, khoản 4 Điều 8 Nghị định 48/2007/NĐ – CP ngày 28/3/2007; Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Lậu A Q phải bồi thường để sung Ngân sách Nhà nước số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền đã bồi thường là 2.000.000đ (hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004607 ngày 21/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, bị cáo Lậu A Q phải bồi thường tiếp là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Buộc bị cáo Lậu A P phải bồi thường để sung Ngân sách Nhà nước số tiền là 19.471.850đ (mười chín triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn tám trăm năm mươi đồng) nhưng khấu trừ số tiền đã bồi thường là 2.000.000đ (hai triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004608 ngày 21/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, bị cáo Lậu A P phải bồi thường tiếp là 17.471.850đ (mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn tám trăm năm mươi đồng).

**3. Về vật chứng:** Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Các điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 chiếc máy cưa nhãn hiệu Husqvarva 365, không xác định được số máy, không có phần lam xích.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 can nhựa màu vàng, nhãn hiệu Công ty CP phân bón Bình Điền, loại 05 lít.

+ 01 can nhựa màu vàng, nhãn hiệu Song Long, loại 05 lít.

+ 01 thước cầm tay, loại 5m, vỏ hộp màu vàng.

+ 01 con dao (lưỡi dao dạng liềm) đã bị gãy phần lưỡi nhọn, phần lưỡi dao dài 19cm. Chiều dài tổng thể của con dao là 31cm.

+ 01 đoạn dây dù màu xanh, được chập đôi thành 02 sợi, một đầu buộc thắt nút, 1 đầu buộc vào một thanh gỗ dài 24cm.

+ 03 đoạn phi sắt 12 dạng móc chữ U, hai đầu nhọn, phần nhọn dài 06cm, phần còn lại dài 10cm.

*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.*

- Giao 3,584m<sup>3</sup> gỗ đang để tại ven suối B thuộc bản X – K cho UBND xã K, S và Cộng đồng dân cư bản X – K, giao 8,889m<sup>3</sup> đang để tại hiện trường trong rừng phòng hộ thuộc bản X – K và bản C – M cho UBND xã M, Cộng đồng dân cư bản C – M (chủ rừng) và UBND xã K, S, Cộng đồng dân cư bản X – K (chủ rừng) cùng phối hợp quản lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

**4. Về án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lậu A Q, Lậu A P.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/12/2020); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

*“Trường hợp quyết định về bồi thường dân sự này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

*"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Nhung**

